

TTĐT

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3415/VPCP-KSTT

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2019

V/v đề nghị cung cấp thông tin phục vụ xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... C ...
	Ngày: ... 26/4/19

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước, trong đó có nhiệm vụ xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

Để triển khai xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ bảo đảm kết nối với các Hệ thống thông tin báo cáo bộ, cơ quan, địa phương, hình thành Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, Văn phòng Chính phủ đề nghị Quý cơ quan cung cấp thông tin liên quan theo mẫu và các Phụ lục kèm theo Công văn này.

Thông tin cung cấp bằng văn bản gửi về Văn phòng Chính phủ chậm nhất vào ngày 15 tháng 5 năm 2019, đồng thời gửi file điện tử vào địa chỉ e-mail nguyenloiquockhanh@thutuchanhchinh.vn/nguyenthitrاله@thutuchanhchinh.vn.

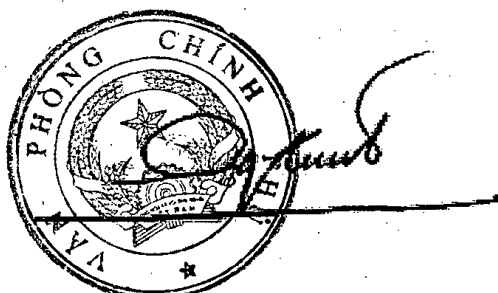
(Thông tin chi tiết liên hệ: Đ/c Nguyễn Lợi Quốc Khánh, SĐT: 0989538053 hoặc đ/c Nguyễn Thị Trà Lê, SĐT: 0904238198).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

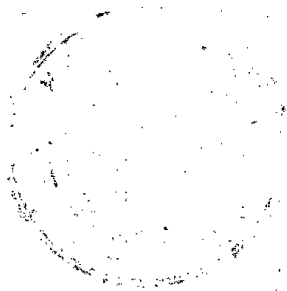
- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, TGD Công TTĐT;
- Lưu: VT, KSTT (2).M

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM**



Nguyễn Văn Tùng

1944
1945
1946





Phụ lục I
MẪU VĂN BẢN CỦA BỘ, CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG CUNG CẤP THÔNG TIN
Kèm theo văn bản số 345/VPCP-KSTT
ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ

BỘ/CƠ QUAN/ĐỊA PHƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

V/v cung cấp thông tin
 phục vụ xây dựng Hệ thống thông tin
 báo cáo Chính phủ

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ.

Bộ/cơ quan/UBND tỉnh, thành phố cung cấp thông tin phục vụ xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ theo đề nghị của Văn phòng Chính phủ như sau:

I. CÁC THÔNG TIN CỤ THỂ

1. Hiện trạng chế độ báo cáo tại bộ, cơ quan, địa phương (Phụ lục II).
2. Hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác báo cáo tại bộ, cơ quan, địa phương (Phụ lục III).

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (Nếu có)

III. THÔNG TIN LIÊN HỆ

1. Đầu mối liên hệ về nghiệp vụ báo cáo:

- Họ và tên:
- Đơn vị:
- Chức vụ:
- Điện thoại cố định: Điện thoại di động:
- Thư điện tử:

2. Đầu mối liên hệ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin:

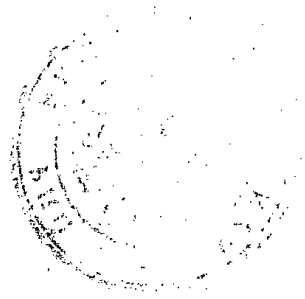
- Họ và tên:
- Đơn vị:
- Chức vụ:
- Điện thoại cố định: Điện thoại di động:
- Thư điện tử:

Bộ/cơ quan/UBND tỉnh, thành phố.... đề nghị Văn phòng Chính phủ tổng hợp, thực hiện nhiệm vụ xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ./.

Nơi nhận:
 - Như trên;
 - Lưu:

LÃNH ĐẠO BỘ/CƠ QUAN/ĐỊA PHƯƠNG

Nguyễn Văn A





Phụ lục II
HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG THỰC HIỆN BÁO CÁO TẠI BỘ,
CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ/UBND CẤP TỈNH
(Kèm theo văn bản số 34/5/VPCP-KSTT ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ)

1. Số lượng báo cáo (BC) và biểu mẫu BC định kỳ đang thực hiện trong một năm tại bộ/cơ quan ngang bộ/cơ quan thuộc Chính phủ/UBND cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là CQ, ĐP) chia theo các kỳ BC

TT	Loại báo cáo	Số lượng BC đang thực hiện tại CQ, ĐP ¹ (Đối với mỗi loại BC, chỉ xác định và điền vào một trong các cột từ 3 đến 7)					Số lượng BC đã đáp ứng yêu cầu tại ND số 09 (trên tổng số BC tại cột 5)	Số lượng biểu mẫu BC (Bao gồm mẫu đề cương và biểu mẫu số liệu BC)					Số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành VB quy định chế độ BC (Kèm đường dẫn tài văn bản nếu có)	
		Số BC CQ, ĐP vừa là chủ thể yêu cầu (nhận) vừa là đối tượng thực hiện (gửi) ²		Số BC CQ, ĐP là chủ thể yêu cầu CQ, ĐP khác, tổ chức, cá nhân ³ thực hiện	Số BC CQ, ĐP là đối tượng thực hiện			Biểu mẫu BC CQ, ĐP vừa là chủ thể yêu cầu vừa là đối tượng thực hiện	Biểu mẫu BC CQ, ĐP là chủ thể yêu cầu CQ, ĐP khác, tổ chức, cá nhân thực hiện	Biểu mẫu BC CQ, ĐP là đối tượng thực hiện				
		Số BC gửi CP, TTgCP	Số BC gửi CQ khác		Số BC gửi CP, TTgCP	Số BC gửi CQ khác				Biểu mẫu BC gửi CP, TTgCP	Biểu mẫu BC gửi CQ khác	Biểu mẫu BC gửi CP, TTgCP		Biểu mẫu BC gửi CQ khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
1	Báo cáo tháng													
2	Báo cáo quý													
3	Báo cáo 6 tháng													
4	Báo cáo năm													
5	Báo cáo theo các kỳ báo cáo khác (VD: tuần, 02 tuần, 02 tháng,...)													
Tổng số:		

¹ Tính tổng số lần thực hiện báo cáo trong một năm. VD: Loại báo cáo theo kỳ hàng tháng trong một năm sẽ có 12 báo cáo, báo cáo hàng quý sẽ có 04 báo cáo,...

² Ví dụ: đối với báo cáo công tác kiểm soát TTHC theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 thì bộ, cơ quan ngang bộ chỉ là đối tượng thực hiện BC (việc tổng hợp thông tin số liệu từ các đơn vị thuộc bộ, cơ quan tỉnh là báo cáo nội bộ, không thuộc phạm vi cung cấp thông tin tại văn bản này), gửi BC cho Văn phòng Chính phủ, điền vào cột 7; còn UBND cấp tỉnh vừa là chủ thể yêu cầu (nhận BC từ UBND cấp huyện) vừa là đối tượng thực hiện (gửi BC cho Văn phòng Chính phủ), điền vào cột 4; VPCP vừa là chủ thể yêu cầu (nhận BC từ bộ, cơ quan, UBND cấp tỉnh) vừa là đối tượng thực hiện (gửi BC cho Thủ tướng CP), điền vào cột 3:

³ Tổ chức, cá nhân: Là các đối tượng phải thực hiện chế độ báo cáo theo quy định mà không phải cơ quan hành chính nhà nước (VD: Doanh nghiệp, hiệp hội, tổ chức tôn giáo, tổ chức phi chính phủ, ...)

2. Số lượng BC và biểu mẫu BC định kỳ CQ, ĐP là chủ thể yêu cầu BC chia theo đối tượng thực hiện

TT	Loại báo cáo	Số lượng BC CQ, ĐP là chủ thể yêu cầu								Ghi chú
		BC yêu cầu CQ; UBND tỉnh, huyện, xã và tổ chức, cá nhân BC	BC yêu cầu CQ, UBND tỉnh, huyện, xã BC	BC yêu cầu CQ, UBND tỉnh và tổ chức, cá nhân BC	BC yêu cầu CQ và UBND tỉnh BC	BC chỉ yêu cầu UBND tỉnh BC	BC chỉ yêu cầu CQ BC	BC chỉ yêu cầu tổ chức, cá nhân BC	Loại khác (VD: BC yêu cầu UBND tỉnh và huyện BC,...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Báo cáo tháng									
2	Báo cáo quý									
3	Báo cáo 6 tháng									
4	Báo cáo năm									
5	Báo cáo theo các kỳ báo cáo khác (VD: tuần, 02 tuần, 02 tháng,...)									
Tổng số:	



Phụ lục III
HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG THỰC HIỆN BÁO CÁO TẠI BỘ,
CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ/UBND CẤP TỈNH

(Kèm theo Văn bản số 3415 /VPCP-KSTT ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ)

1. Tổng số hệ thống thông tin có chức năng báo cáo phù hợp với chế độ báo cáo định kỳ đang thực hiện tại CQ, ĐP do CQ, ĐP chủ trì xây dựng, vận hành (sau đây gọi tắt là HTTT):.....(hệ thống)

2. Thông tin của HTTT

TT	Tên HTTT ¹	Hệ quản trị CSDL (MicroSoft SQL, Oracle...)	Ngôn ngữ lập trình (C++, ASP...)	Giao diện (Web, Desktop)	Đơn vị phát triển	Thời gian đưa vào sử dụng	Nâng cấp chỉnh sửa HTTT có được hỗ trợ từ đơn vị phát triển. (Ghi Có/Không)	Quy mô triển khai HTTT (Ghi Toàn quốc/Tại Bộ, cơ quan/Tại tỉnh, huyện, xã)	Đáp ứng mẫu biểu báo cáo động ²
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1									
2									
...									

¹ Nêu tên tất cả các HTTT hiện có tại CQ, ĐP

² Ghi chọn một trong bốn mức bên dưới:

Mức 3: HTTT đáp ứng được không cần nhà phát triển phần mềm hỗ trợ

Mức 2: HTTT đáp ứng được nhưng cần nhà phát triển phần mềm hỗ trợ

Mức 1: HTTT chỉ đáp ứng được một số mẫu biểu với định dạng nhất định

Mức 0: Chưa đáp ứng

3. Thông tin về báo cáo và biểu mẫu báo cáo điện tử trên HTTT³

TT	Tên HTTT ⁴	Tổng số biểu mẫu (BM) điện tử				Tổng số báo cáo điện tử			
		Tổng số BM theo tháng	Tổng số BM theo quý	Tổng số BM theo 6 tháng	Tổng số BM theo năm	Tổng số BC theo tháng	Tổng số BC theo quý	Tổng số BC theo 6 tháng	Tổng số BC theo năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1									
2									
...									

4. Thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ báo cáo điện tử giữa các HTTT

TT	Tên HTTT ⁵	Đã thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ với HTTT khác (Ghi Có/Không)	Nêu tên các HTTT được kết nối, tích hợp, chia sẻ (Nếu cột 3 chọn Có)
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
2			
...			
n			

5. Quy trình phê duyệt báo cáo và một số tính năng của HTTT

TT	Tên HTTT ⁶	Thủ trưởng cơ quan có trực tiếp phê duyệt báo cáo không (Ghi Có/Không)	Có chức năng theo dõi báo cáo, thống kê (Ghi Có/Không)	Có chức năng tích hợp tính năng cảnh báo, nhắc nhở qua SMS (Ghi Có/Không)	Có chức năng tích hợp tính năng cảnh báo, nhắc nhở qua Email (Ghi Có/Không)	Ứng dụng chữ ký số đã được Ban cơ yếu Chính phủ cung cấp (Ghi Đã sử dụng/Chưa sử dụng)
1						
2						
...						

³ Chỉ cung cấp các thông tin biểu mẫu, báo cáo phù hợp với chế độ báo cáo của bộ, cơ quan, địa phương tại phụ lục II

⁴ Tên HTTT phải đồng nhất với tên được đưa ra trong mục 2 Phụ lục này

⁵ Tên HTTT phải đồng nhất với tên được đưa ra trong mục 2 Phụ lục này

⁶ Tên HTTT phải đồng nhất với tên được đưa ra trong câu 2

6. Hạ tầng mạng

a) Các Hệ thống mạng mà CQ, ĐP có sử dụng để triển khai các HTTT (Đánh dấu vào các mạng được sử dụng)

Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước	<input type="checkbox"/>
Mạng truyền số liệu chuyên dùng của địa phương (Mạng WAN)	<input type="checkbox"/>
Mạng Internet	<input type="checkbox"/>
Hệ thống mạng khác	<input type="checkbox"/>

b) Đường truyền

Tên (Kênh)	Số lượng	Nhà cung cấp	Tổng băng thông (kbps)
Leased line			
FTTH			
xDSL (ADSL, SDSL,...)			
Khác (ghi rõ):			

7. Bảo đảm an toàn HTTT theo cấp độ

TT	Tên HTTT ¹⁰	Bảo đảm an toàn HTTT theo cấp độ (Đã phê duyệt cấp độ/Chưa phê duyệt cấp độ)	Nêu cấp độ bảo đảm an toàn thông tin (nếu đã phê duyệt cấp độ)
1			
2			
...			

8. Thông tin cài đặt của HTTT

TT	Tên HTTT ¹¹	HTTT được cài đặt tại đâu? (Trung tâm dữ liệu của nhà cung cấp dịch vụ/Trung tâm/phòng máy chủ của cơ quan)	HTTT đã có hệ thống dự phòng hay chưa (Đã có/Chưa có)
1			
2			
...			

¹⁰ Tên HTTT phải đồng nhất với tên được đưa ra trong câu 2

¹¹ Tên HTTT phải đồng nhất với tên được đưa ra trong câu 2